BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 007541 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11886.23

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA SÔCÔLA LÚA MẠCH CÓ THẠCH - VINAMILK SUSU**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V- STT -15

Ngày lấy mẫu : 05/04/2023

Lượng mẫu : 01 chai x 150 ml

Ngày nhận mẫu : 05/04/2023

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	*Listeria monocytogenes*	ISO 11290-2:2017 (d)	< 10 CFU/ml	05/04/2023

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /ml : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11-04-2023

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007551 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12370.23

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA SÔCÔLA LÚA MẠCH CÓ THẠCH - VINAMILK SUSU**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-15

Ngày lấy mẫu : 10/04/2023

Lượng mẫu : 02 chai x 150 ml

Ngày nhận mẫu : 10/04/2023

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (d)	< 10 CFU/ml	10/04/2023

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /ml: được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 -04- 2023

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 007603 /VYTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 219

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11887.23

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA SÔCÔLA LÚA MẠCH CÓ THẠCH - VINAMILK SUSU**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V- STT -15

Ngày lấy mẫu : 05/04/2023

Lượng mẫu : 01 chai x 150 ml

Ngày nhận mẫu : 05/04/2023

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2023
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2023
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2023
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2023

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12-04-2023

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007602 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11889.23

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA SÔCÔLA LÚA MẠCH CÓ THẠCH - VINAMILK SUSU**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V- STT -15

Ngày lấy mẫu : 05/04/2023

Lượng mẫu : 01 chai x 150 ml

Ngày nhận mẫu : 05/04/2023

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin B1	HD.PP.04/TT.SK (HPLC-FLD) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	07/04/2023
2	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2)	HD.PP.04/TT.SK (HPLC-FLD) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	07/04/2023
3	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	07/04/2023
4	Zearalenone (ZON)	HD.PP.27/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện MLOD = 5 µg/kg	07/04/2023
5	Deoxynivalenol (DON)	HD.PP.27/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	07/04/2023
6	Ochratoxin A	HD.PP.17/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2004.10) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	07/04/2023

Ghi chú:
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12-04-2023

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007600 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11891.23

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA SÔCÔLA LÚA MẠCH CÓ THẠCH - VINAMILK SUSU**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V- STT -15

Ngày lấy mẫu : 05/04/2023

Lượng mẫu : 01 chai x 150 ml

Ngày nhận mẫu : 05/04/2023

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Clenbuterol	HD.PP.68-1/TT.SK:2020 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/l	05/04/2023
2	Colistin	HD.PP.46/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/l	07/04/2023
3	Diminazen	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 25 µg/l	07/04/2023
4	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/l	05/04/2023
5	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (d)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/l	07/04/2023
6	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (d)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/l	07/04/2023

Mã số mẫu: 11891.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
7	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (d)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/l	07/04/2023
8	Sulfadimidine	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	07/04/2023
9	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/l	07/04/2023
10	Benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/l	07/04/2023
11	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133 - 5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	07/04/2023
12	Procaine benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/l	07/04/2023
13	Lincomycin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	07/04/2023
14	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015,5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	07/04/2023
15	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	07/04/2023
16	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/l	07/04/2023
17	Isometamidium	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 10 µg/l	07/04/2023
18	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	06/04/2023
19	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	06/04/2023
20	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	06/04/2023
21	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	06/04/2023
22	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/l	06/04/2023
23	Albendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	05/04/2023
24	Doramectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	05/04/2023
25	Eprinomectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	05/04/2023
26	Febantel	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	05/04/2023
27	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	05/04/2023
28	Imidocarb	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	05/04/2023

Mã số mẫu: 11891.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
29	Ivermectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	05/04/2023
30	Monensin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/l	05/04/2023
31	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	05/04/2023
32	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	05/04/2023
33	Trichlorfon (Metrifonat)	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	05/04/2023
34	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/l	07/04/2023
35	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/l	07/04/2023
36	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/l	07/04/2023
37	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/l	07/04/2023

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12-04-2023

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 007601 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11890.23

VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu : **THỨC UỐNG SỮA SÔCÔLA LÚA MẠCH CÓ THẠCH - VINAMILK SUSU**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V- STT -15

Ngày lấy mẫu : 05/04/2023

Lượng mẫu : 01 chai x 150 ml

Ngày nhận mẫu : 05/04/2023

Người gửi mẫu : Phan Trung Thành

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chlormequat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)(d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2023
2	Ethephon	HD.PP.112/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	10/04/2023
3	Diquat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	05/04/2023
4	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	05/04/2023
5	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	07/04/2023
6	Bifenthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	07/04/2023
7	Chlordane	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	07/04/2023
8	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	07/04/2023
9	Cyhalothrin (bao gồm Lambda-Cyhalothrin)	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	07/04/2023
10	Cypermethrin (bao gồm alpha- và zeta-Cypermethrin)	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	07/04/2023
11	DDT	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	07/04/2023
12	Disulfoton	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	07/04/2023

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	07/04/2023
14	Fipronil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	07/04/2023
15	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	07/04/2023
16	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	07/04/2023
17	Methyl bromide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	07/04/2023
18	Quintozene	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	07/04/2023
19	Abamectin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	05/04/2023
20	Aldicarb	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
21	Aminopyralid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2023
22	Azoxystrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
23	Bitertanol	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
24	Boscalid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2023
25	Carbendazim	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
26	Clothianidin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2023
27	Cyprodinil	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,0002 mg/kg	05/04/2023
28	Dicamba	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 mg/kg	05/04/2023
29	Diflubenzuron	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
30	Dimethoate	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
31	Famoxadone	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
32	Fenbuconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
33	Fenpropimorph	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
34	Flumethrin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2023
35	Fluxapyroxad	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
36	Iprodione	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
37	Isopyrazam	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
38	Kresoxim-methyl	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023

Mã số mẫu: 11890.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
39	MCPA (2-methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
40	Methamidophos	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
41	Methiocarb	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
42	Methomyl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
43	Metrafenone	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
44	Oxydemeton-methyl	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
45	Penconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
46	Penthiopyrad	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
47	Piperonyl butoxide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
48	Propiconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
49	Prothioconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	05/04/2023
50	Pyraclostrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
51	Quinoxyfen	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
52	Spinosad	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
53	Sulfoxaflor	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2023
54	Tebuconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
55	Tebufenozide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
56	Thiamethoxam	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2023
57	Trifloxystrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2023
58	Trinexapac-ethyl	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,0025 mg/kg	05/04/2023
59	Dithiocarbamate	HD.PP.168/TT.SK (GC-MS/MS) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2023

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12-04-2023

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ts. Nguyễn Đức Thịnh